TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 159/2025/HNGĐ-ST Ngày: 22-9-2025 V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI, TỈNH ĐỒNG NAI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Chánh;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hoàng Thị Diệu Linh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai tham gia phiên tòa*:** Ông Mai Văn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2025 tại Toà án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý: 690/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025 về việc: "ly hôn, tranh chấp nuôi con"; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 12/8/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 136/2025/QĐST-HNGĐ ngày 29/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị D, sinh năm 1989;

Căn cước công dân: 075189008051, cấp ngày: 19/8/2021; nơi cấp: Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Số E, tổ H, khu phố B, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường L, tỉnh Đồng Nai).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1977; Địa chỉ: Hẻm E, tổ A, khu phố V, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường P, tỉnh Đồng Nai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phan Thị D trình bày:**

Bà Phan Thị D và ông Nguyễn Văn P sau một thời gian tìm hiểu đã đi đến kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường L,

tỉnh Đồng Nai) và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 79/2018 ngày 20/3/2018, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hiện bà D, ông P đã sống ly thân. Vợ chồng đã cố gắng hòa giải nhưng không thành. Nay bà D xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn nên bà D yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn P.

- Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Phan Lan C, sinh ngày 16/8/2018. Ly hôn, bà D yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu C và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

*** Bị đơn ông Nguyễn Văn P:** Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông P lên Tòa làm việc, tuy nhiên ông P không lên Tòa nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai, tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Từ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị D với ông Nguyễn Văn P; về con chung, quá trình giải quyết vụ án, ông P không lên tòa làm việc, không có ý kiến về việc nuôi con và chứng cứ chứng minh điều kiện nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên giao con chung là cháu Nguyễn Phan Lan C, sinh ngày 16/8/2018 cho bà D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; Về tài sản chung, bà D khai tự thỏa thuận, ông P không có ý kiến nên không xem xét; về nợ chung, bà D khai không có, ông P không có ý kiến nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Tố tụng:

- Về tư cách tố tụng và quan hệ tranh chấp:

Bà Phan Thị D khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con với ông Nguyễn Văn P. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định bà D là nguyên đơn, ông P là bị đơn. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

- Về thẩm quyền giải quyết: Theo văn bản xác minh ngày 07/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai thì ông Nguyễn Văn P đang cư trú tại phường P, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định yêu cầu khởi kiện của bà D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về thủ tục tố tụng khác: Bà Phan Thị D đã có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Văn P đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị D và ông Nguyễn Văn P có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường L, tỉnh Đồng Nai) và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 79/2018 ngày 20/3/2018, hôn nhân tự nguyện nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Nay bà D xin ly hôn, Tòa án căn cứ Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Xét thấy: Bà Phan Thị D và ông Nguyễn Văn P sau một thời gian tìm hiểu đã đi đến kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường L, tỉnh Đồng Nai) và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 79/2018 ngày 20/3/2018, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hiện bà D, ông P đã sống ly thân. Vợ chồng đã cố gắng hòa giải nhưng không thành. Nay bà D xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn. Tại biên bản xác minh ngày 07 tháng 7 năm 2025, Ủy ban nhân dân phường P xác định vợ chồng bà D và ông P có xảy ra mâu thuẫn hay không thì địa phương không nắm rõ. Từ khi bà D gửi đơn xin ly hôn cũng như trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần gửi giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông P nhưng ông P vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gửi cho Tòa án nên được coi là bỏ mặc, không còn quan tâm đến việc giữ gìn và bảo vệ mối quan hệ vợ chồng. Như vậy, hôn nhân giữa bà D và ông P đã rạn nứt không thể hàn gắn được. Ông P bỏ mặc nên việc đoàn tụ, tiếp tục xây dựng hạnh phúc là khó thực hiện được. Do đó, bà D xin ly hôn là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: Bà D xác định có 01 con chung là cháu Nguyễn Phan Lan C, sinh ngày 16/8/2018. Ly hôn, bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu C và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, tại bản tự khai đề ngày 04/8/2025 của cháu Nguyễn Phan Lan C có nguyện vọng được ở với mẹ. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, ông P không lên Tòa nên không có lời khai của ông về nguyện vọng nuôi con cũng như cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh về điều kiện nuôi con. Do đó, xét nguyện vọng của bà D được nuôi con là cháu C là có căn cứ chấp nhận.

Về tài sản chung: Bà D xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông P không lên Tòa cung cấp lời khai về tài sản chung. Do đó, không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Bà D xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông P không lên Tòa cung cấp lời khai về nợ chung. Do đó, không đặt ra xem xét, giải quyết.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Về án phí: Nguyên đơn bà Phan Thị D phải chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39, Khoản 4 Điều 147, 227, 228, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị D đối với bị đơn ông Nguyễn Văn P.

Bà Phan Thị D được ly hôn với ông Nguyễn Văn P.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phan Lan C, sinh ngày 16/8/2018 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm thời ông P không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà D xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông P không lên Tòa làm việc nên không cung cấp lời khai cho Tòa. Do đó, Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà D xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông P không lên Tòa làm việc nên không cung cấp lời khai cho Tòa. Do đó, Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Phan Thị D phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006398 ngày 01/4/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 – Đồng Nai). Bà D đã nộp đủ.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Thi hành án DS tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- UBND P. Long Bình, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Nguyệt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Ủy ban nhân dân phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị N